

LUYỆN TẬP SINH 9 – TUẦN 12
CHỦ ĐỀ 4: BIẾN DỊ - ND 2: ĐỘT BIẾN NST

Câu 1: Đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể là gì?

- A: những biến đổi trong cấu trúc nhiễm sắc thể
- B: những biến đổi trong cấu trúc gen
- C: những biến đổi về số lượng nhiễm sắc thể
- D: những biến đổi biến đổi trong cấu trúc ADN

Câu 2: Đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể không có dạng nào sau đây?

- A: Mất đoạn
- B: Lặp đoạn
- C: Đảo đoạn
- D: Chuyển nucleotit

Câu 3: Dạng đột biến nào sau đây gây ảnh hưởng nghiêm trọng nhất đến sức sống, sức sinh sản của sinh vật?

- A: Mất đoạn
- B: Đảo đoạn
- C: Lặp đoạn
- D: Đột biến gen

Câu 4: Nhận định nào sau đây sai?

- A: Mất một đoạn nhỏ nhiễm sắc thể 21 ở người gây ra bệnh ung thư máu ác tính
- B: Mất một đoạn nhỏ nhiễm sắc thể số 5 gây ra hội chứng tiếng mèo kêu
- C: Lặp đoạn ở lúa đại mạch làm tăng hoạt tính enzym amilaza.
- D: Mất một đoạn nhỏ nhiễm sắc thể 21 ở người gây ra hội chứng Đào

Câu 5: Vì sao đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể gây hại cho con người và sinh vật.

- A: Vì phá vỡ sự sắp xếp hài hòa của các gen trên nhiễm sắc thể
- B: Vì thay đổi số lượng các gen trên nhiễm sắc thể
- C: Vì thay đổi trình tự sắp xếp các gen trên nhiễm sắc thể
- D: Vì làm thay đổi cấu trúc của các gen trên nhiễm sắc thể

Câu 6: Đột biến dị bội là:

- A: đột **biến** làm thay đổi số lượng của **1 hay vài cặp nhiễm sắc thể**
- B: đột **biến** làm thay đổi số lượng của **1 cặp nhiễm sắc thể**.
- C: đột **biến** làm thay đổi số lượng của **tất cả các cặp nhiễm sắc thể**.
- D: đột biến làm tăng **một số nguyên lần** bộ nhiễm sắc thể **đơn bội** của loài và **lớn hơn 2n**.

Câu 7: Đột biến đa bội là:

- A: đột **biến** làm thay đổi số lượng của **1 hay vài cặp nhiễm sắc thể**
- B: đột **biến** làm thay đổi số lượng của **1 cặp nhiễm sắc thể**.

C: đột **biến** làm thay đổi số lượng của **tất cả các cặp nhiễm sắc thể**.

D: đột biến làm tăng **một số nguyên lần** bộ nhiễm sắc thể **đơn bội** của loài và **lớn hơn 2n**.

Câu 8: Dựa vào dấu hiệu nào ta có thể nhận biết thể đa bội ở thực vật bằng mắt thường?

A: Số lượng hạt trong quả.

B: Hàm lượng ADN trong tế bào.

C: Số lượng NST.

D: Cơ quan sinh dưỡng và sinh sản lớn hơn bình thường.

PHẦN DÀNH CHO HS KHÁ GIỎI

Câu 9: Ở một loài thực vật có bộ nhiễm sắc thể $2n = 14$. Tế bào lá của loài thực vật này thuộc thể một nhiễm sẽ có số nhiễm sắc thể là:

A: 13.

B: 15.

C: 7.

D: 21.

Câu 10: Sự rối loạn phân li của một cặp nhiễm sắc thể tương đồng ở các tế bào sinh dục của cơ thể $2n$, có thể làm xuất hiện các loại giao tử:

A: $n, n+1$.

B: $n, 2n$.

C: $n-1, n+1$.

D: $n, n-1, n+1$.

Câu 11: Một người đàn ông có 47 nhiễm sắc thể trong đó có 3 nhiễm sắc thể XXY. Xác định dạng đột biến của người đàn ông, người đàn ông đó bị hội chứng gì?

A: tam nhiễm, hội chứng Claiphentơ.

B: tam bội, hội chứng Claiphentơ.

C: tam nhiễm, hội chứng Đào.

D: tam bội, hội chứng Đào.

Câu 12: Vì sao nói sự tương quan giữa số lượng nhiễm sắc thể với kích thước của tế bào là tỉ lệ thuận với nhau?

A: vì khi số lượng nhiễm sắc thể tăng làm tăng hàm lượng ADN trong tế bào dẫn đến tăng cường quá trình trao đổi chất, làm tăng kích thước tế bào.

B: vì khi kích thước tế bào tăng sẽ làm tăng số lượng nhiễm sắc thể.

C: vì ta bón phân đầy đủ thì cơ quan sinh dưỡng và sinh sản sẽ tăng

D: vì chất lượng giống cây trồng

Câu 13: Con người đã tạo ra thể tứ bội bằng cách nào trong các cách dưới đây? Hãy chọn số phương án đúng.

1. Cho các cá thể tứ bội sinh sản dinh dưỡng hay sinh sản hữu tính.

2. Giao phối giữa cây tứ bội với cây lưỡng bội

3. Làm cho bộ NST của tế bào sinh dưỡng nhân đôi nhưng không phân li trong nguyên phân.

4. Làm cho bộ NST của tế bào sinh dục nhân đôi nhưng không phân li trong giảm phân, rồi tạo điều kiện cho các giao tử này thụ tinh với nhau

A: 1

B: 2

C: 3

D: 4

Câu 14: Một loài có bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội $2n = 20$. Tính số nhiễm sắc thể của loài này khi ở thể tứ bội?

A: 10

B: 30

C: 40

D: 80

Câu 15: Thể tứ bội của một loài có kiểu gen Aaaa, khi giảm phân bình thường sẽ tạo ra những loại giao tử nào?

A: A, A, a, a

B: Aa, aa

C: A, aaa

D: Aaaa